



Giáo Trình

An toàn lao động

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU.....	4
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KHOA HỌC VÀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG	5
Những khái niệm cơ bản.....	5
1.1.1. Lao động và khoa học lao động.....	5
1.1.2. Điều kiện lao động.....	6
1.2. Mục đích, ý nghĩa, tính chất của công tác bảo hộ lao động:	7
1.2.1. Mục đích – ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động:	7
1.2.3. Ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động.....	7
1.3. Những nội dung chủ yếu của công tác bảo hộ lao động:.....	7
CHƯƠNG 2: LUẬT PHÁP VÀ CHẾ ĐỘ BẢO HỘ LAO ĐỘNG	8
2.1. Hệ thống luật pháp, chế độ chính sách bảo hộ lao động của Việt Nam	9
2.1.2. Nghị định 06/CP và các nghị định khác có liên quan:	11
2.1.3. Các chỉ thị, Thông tư liên quan đến an toàn vệ sinh lao động :	11
2.2. Quản lý nhà nước về BHLĐ:.....	13
2.2.2 Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác BHLĐ.....	14
Điều 16, chương IV của nghị định 06/CP quy định người lao động có 3 quyền sau đây:	16
Điều 15, chương IV Nghị định 06/CP quy định người lao động có 3 nghĩa vụ sau:	17
2.3.3. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động:.....	17
2.3.4. Quyền lợi của người sử dụng lao động:	17
CHƯƠNG 3: KỸ THUẬT VỆ SINH LAO ĐỘNG	18
3.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KỸ THUẬT VỆ SINH LAO ĐỘNG.....	18
b) Tác hại liên quan đến tổ chức lao động.....	19
3.2. VI KHÍ HẬU	21
3.2.2. Các yếu tố vi khí hậu	22
d) Vận tốc chuyển động không khí :	22
3.2.3. Ảnh hưởng của vi khí hậu đối với cơ thể người:.....	23
3.2.5. Các biện pháp phòng chống vi khí hậu xấu:.....	24
3.3. Tiếng ồn và rung động trong sản xuất.....	27
3.3.2. Ảnh hưởng củ tiếng ồn và rung động đối với sinh lý con người :.....	28
3.3.3. Các biện pháp phòng chống tiếng ồn và rung động	30
3.4.1. Định nghĩa và phân loại.....	31
3.4.2. Tác hại của bụi.....	32
3.4.3. Các biện pháp phòng chống.....	33
3.5.2. Các dạng chiếu sáng	34
3.6. Thông gió trong công nghiệp.....	37
3.6.1. Mục đích của thông gió	37
3.6.2. Các biện pháp thông gió	37
CHƯƠNG 4 : KỸ THUẬT AN TOÀN ĐIỆN.....	40
4.1. NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ AN TOÀN ĐIỆN:	40
4.1.1. Tác động của dòng điện với cơ thể con người:	40
b) Ảnh hưởng của trị số dòng điện giật :	42
d) Đường đi của dòng điện:	43
4.1.2. Các dạng tai nạn điện :	44
4.2. CÁC BIỆN PHÁP CẦN THIẾT ĐỂ ĐẢM BẢO AN TOÀN ĐIỆN.....	45
4.2.2. Các biện pháp kỹ thuật an toàn điện.....	46
Chương 5: KỸ THUẬT AN TOÀN TRONG CƠ KHÍ	49
5.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KỸ THUẬT AN TOÀN TRONG CƠ KHÍ.....	49
5.1.2. Các biện pháp và phương tiện kỹ thuật an toàn cơ khí.....	50
5.2. Nguyên tắc an toàn khi sử dụng một số loại máy.....	51

5.3.Kỹ thuật an toàn đối với thiết bị chịu áp lực	53
6.2.2.Những yếu tố nguy hiểm đặc trưng của thiết bị áp lực	54
6.2.3.Những nguyên nhân gây ra sự cố của thiết bị áp lực và biện pháp phòng ngừa	56
6.2.4. Những yêu cầu an toàn đối với thiết bị chịu áp lực	58
a) Yêu cầu về mặt quản lý thiết bị	58
b)Yêu cầu đối với thiết kế ,chế tạo, lắp đặt và sửa chữa	58
6.2.5. Yêu cầu đối với phụ tùng đường ống	61
6.3.1 Những khái niệm cơ bản.....	62
6.4. An toàn trong xưởng thực hành ô tô:.....	67
6.4.4. Đề phòng:	68
6.4.7. Nâng, bê vật nặng:	69
6.4.12. An toàn cho thiết bị bôi trơn và máy nén gió:	70

TaiLieu.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Việc tổ chức biên soạn giáo trình **An Toàn Lao Động** nhằm phục vụ cho công tác đào tạo của trường Đại Học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh nói chung và Trung Tâm công nghệ ô tô nói riêng. Giáo trình là sự cố gắng lớn của tập thể giáo viên Trung Tâm công nghệ ô tô nhằm từng bước thống nhất nội dung dạy và học môn An Toàn Lao Động.

Nội dung của giáo trình đã được xây dựng trên cơ sở thừa kế những nội dung đã được giảng dạy ở các trường kết hợp với những nội dung mới nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Giáo trình cũng là cẩm nang về an toàn lao động riêng cho nhưng sinh viên của Trung Tâm công nghệ ô tô .

Giáo trình được biên soạn ngắn gọn, dễ hiểu, bổ sung nhiều kiến thức mới phù hợp với ngành nghề đào tạo mà trung tâm đã tự điều chỉnh cho thích hợp và không trái với quy định của chương trình khung đào tạo của trường.

Tuy tác giả đã có nhiều cố gắng khi biên soạn, nhưng giáo trình không tránh khỏi những khiếm khuyết. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của trường và bạn đọc. Mọi góp ý xin gửi về Khoa CN Động Lực - Lầu 4 nhà X- Trường Đại Học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh

Khoa CN Động Lực.

Ngàytháng.....năm 2009

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KHOA HỌC VÀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

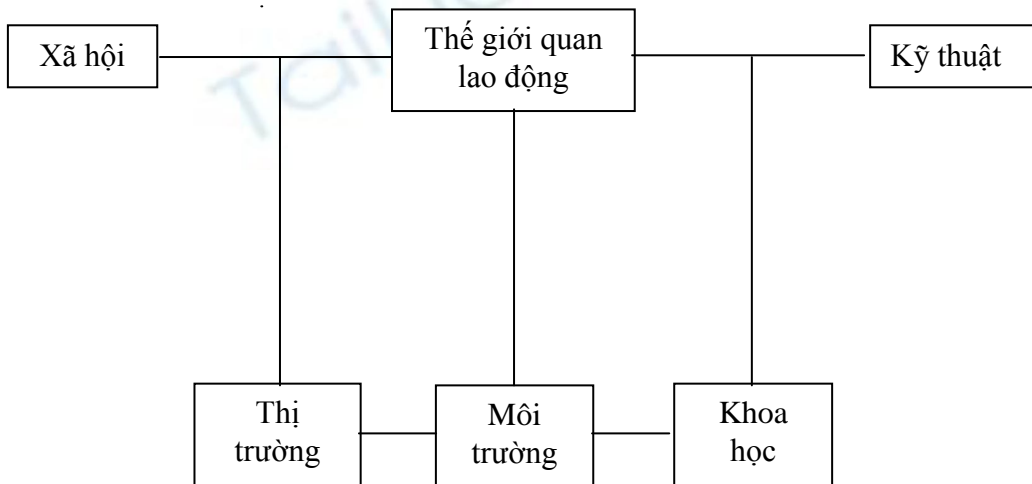
Những khái niệm cơ bản

1.1.1. Lao động và khoa học lao động

a) Lao động :

Lao động của con người là sự cố gắng cả bên trong và bên ngoài thông qua một giá trị nào đó tạo nên những sản phẩm tinh thần, những động lực và những giá trị vật chất của cuộc sống con người.

Thế giới quan lao động: Ghi nhận bởi những ảnh hưởng khác nhau, những điều kiện và những yêu cầu (hình 1.1)



- | | | |
|------------------------|-----------------|------------------------|
| - Điều kiện chính trị | | - Quá trình kỹ thuật |
| - Điều kiện pháp luật | | - Sự trao đổi kỹ thuật |
| - Điều kiện xã hội | | - Kỹ thuật an toàn |
| - Điều kiện kinh tế | | - Kỹ thuật lao động |
| - Nhu cầu lao động | - Vị trí | - Khoa học y học |
| - Điều kiện thị trường | - Sự lan truyền | - Khoa học pháp luật |
| - Thị trường lao động | | - Khoa học kinh tế |

Lao động nó được thực hiện trong một hệ thống lao động và nó được thể hiện trong việc sử dụng những tri thức về khoa học an toàn

b) Khoa học lao động :

Khoa học lao động là hệ thống phân tích, sắp xếp, thể hiện điều kiện kỹ thuật, tổ chức và xã hội của quá trình lao động với mục đích đạt hiệu quả cao

- Bảo hộ lao động
- Tổ chức lao động
- Quản lý lao động

1.1.2. Điều kiện lao động

Điều kiện lao động là một tập hợp tổng thể các yếu tố tự nhiên, kỹ thuật, kinh tế, xã hội được thể hiện thông qua các công cụ và phương tiện lao động, quá trình công nghệ, môi trường lao động và sự sắp xếp, bố trí, tác động qua lại của chúng trong mối quan hệ với con người, tạo nên một điều kiện nhất định cho con người trong quá trình lao động

a) Các yếu tố của quá trình sản xuất

- Nhà xưởng
- Máy móc, thiết bị, công cụ
- Nguyên vật liệu
- Đối tượng lao động

b) Các yếu tố liên quan đến quá trình lao động

- Các yếu tố : Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, rung động, các bức xạ có hạt, bụi
- Các yếu tố hoá học như các loại chất độc, các loại hơi, khí. Bụi, độc, các chất phóng xạ
- Các yếu tố sinh vật, vi sinh vật như các loại vi khuẩn, siêu vi khuẩn, kí sinh trùng, côn trùng vv...
- Các yếu tố bất lợi về tư thế lao động, không tiện nghi do không gian chỗ làm việc, nhà xưởng chật hẹp, mất vệ sinh. Các yếu tố tâm lý không thuận lợi vv...

1.1.3. Tai nạn lao động

Tai nạn lao động là tai nạn xảy ra trong quá trình lao động, do tác động đột ngột từ bên ngoài, làm chết người hay gây tổn thương, hoặc phá huỷ chức năng hoạt động bình thường của một bộ phận nào đó của cơ thể

Khi bị nhiễm độc đột ngột thì gọi là nhiễm độc cấp tính, có thể gây chết người tức khắc hoặc huỷ hoại chức năng nào đó của cơ thể thì cũng gọi là tai nạn lao động

1.1.4. Bệnh nghề nghiệp

Bệnh nghề nghiệp là sự suy yếu dần sức khoẻ của người lao động gây nên bệnh tật do tác động của các yếu tố có hại phát sinh trong quá trình lao động trên cơ thể người lao động

1.2. Mục đích, ý nghĩa, tính chất của công tác bảo hộ lao động:

1.2.1. Mục đích – ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động:

Mục đích của công tác bảo hộ lao động là thông qua các biện pháp về khoa học kỹ thuật, tổ chức, kinh tế, xã hội để loại trừ các yếu tố nguy hiểm có hại phát sinh trong sản xuất, tạo nên điều kiện lao động thuận lợi và ngày càng được cải thiện tốt hơn, ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, hạn chế đau ốm và giảm sức khoẻ cũng như những thiệt hại khác đối với người lao động, nhằm đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ và tính mạng người lao động, trực tiếp góp phần bảo vệ và phát triển lực lượng sản xuất, tăng năng xuất lao động.

Bảo hộ lao động trước hết là một phạm trù sản xuất, nhằm bảo vệ yếu tố năng động nhất của lực lượng sản xuất đó là người lao động. Mặt khác việc chăm lo sức khoẻ cho người lao động, mang lại hạnh phúc cho bản thân và gia đình họ còn có ý nghĩa nhân đạo

1.2.2. Tính chất của công tác bảo hộ lao động

Bảo hộ lao động có 3 tính chất:

- **Tính khoa học kỹ thuật:** Vì mọi hoạt động của nó đều xuất phát từ những cơ sở khoa học và các biện pháp khoa học kỹ thuật
- **Tính pháp lý:** Thể hiện trong luật lao động, quy định rõ trách nhiệm và quyền lợi của người lao động
- **Tính chất quần chúng:** Người lao động là một số đông trong xã hội, ngoài những biện pháp khoa học kỹ thuật, biện pháp hành chính, việc giác ngộ ý thức cho người lao động hiểu rõ và thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động là cần thiết

1.2.3. Ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động

a) Ý nghĩa chính trị:

b) Ý nghĩa xã hội :

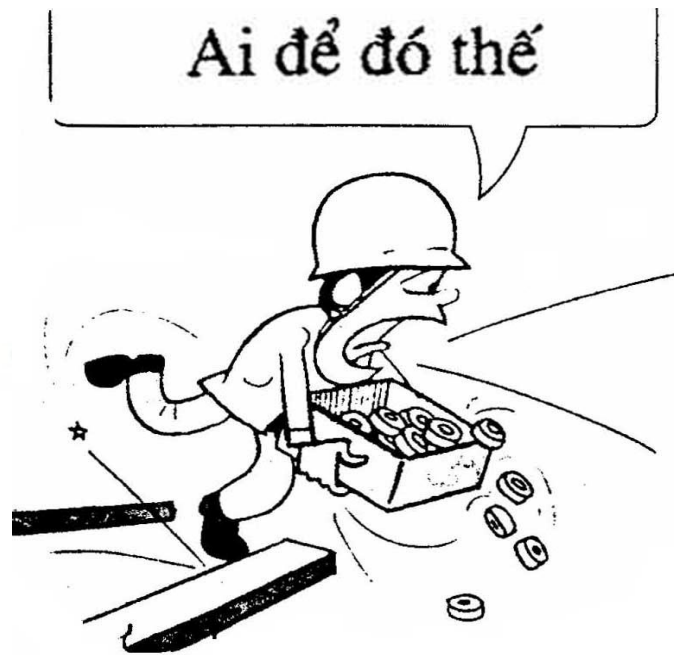
c) Ý nghĩa kinh tế:

1.3. Những nội dung chủ yếu của công tác bảo hộ lao động:

1.3.1. Khoa học vệ sinh lao động:

Môi trường xung quanh ảnh hưởng đến điều kiện lao động, và do đó ảnh hưởng đến con người, dụng cụ, máy móc, trang thiết bị. Ảnh hưởng này còn có khả năng lan

truyền trong một phạm vi nhất định. Sự chịu đựng quá tải(điều kiện dẫn đến nguyên nhân gây bệnh) dẫn đến khả năng sinh ra bệnh nghề nghiệp. Để phòng ngừa bệnh nghề nghiệp cũng như tạo điều kiện tối ưu cho sức khỏe và tình trạng lành mạnh cho lao động chính là mục đích của vệ sinh lao động (bảo vệ sức khỏe). Đặc biệt vệ sinh lao động có đề cập đến biện pháp bảo vệ bằng kỹ thuật theo những yêu cầu nhất định. Ở những điều kiện môi trường lao động phù hợp vẫn xảy ra sự rủi ro về tai nạn và do đó không đảm bảo an toàn. Sự giả tạo về thị giác hay âm thanh của thông tin cũng như thông tin sai có thể xảy ra. Bởi vậy sự thể hiện các điều kiện



Chúng ta sắp xếp mọi dụng cụ đồ nghề trong hộp đồ nghề theo loại và kích cỡ



CHƯƠNG 2: LUẬT PHÁP VÀ CHẾ ĐỘ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

2.1. Hệ thống luật pháp, chế độ chính sách bảo hộ lao động của Việt Nam

Hệ thống luật pháp, chế độ bảo hộ lao động gồm 3 phần:

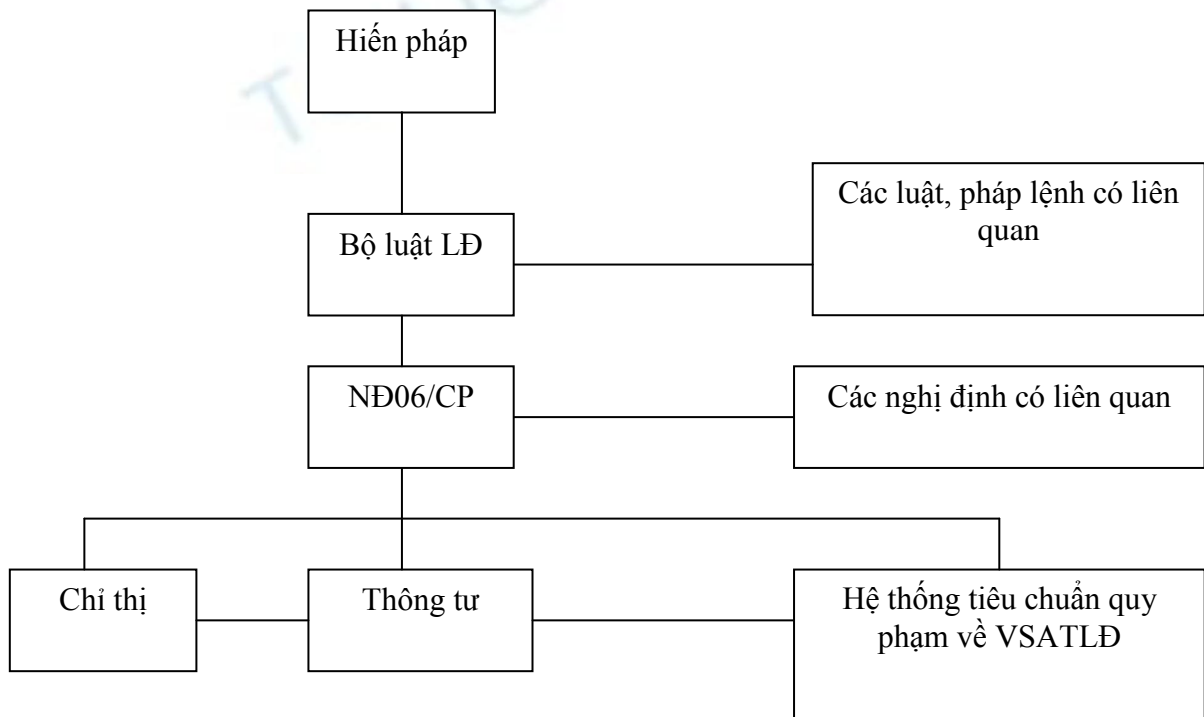
Phần I: Bộ luật lao động và các luật khác, pháp lệnh có liên quan đến ATVSLĐ

Phần II: Nghị định 06/CP và các nghị định khác có liên quan đến VSATLĐ

Phần III: Các thông tư, Chỉ thị, tiêu chuẩn quy phạm ATVSLĐ

Có thể minh họa sơ đồ sau:

Hệ thống chính sách BHLĐ của Việt Nam:



2.1.1. Bộ luật lao động và các luật khác có liên quan đến ATVSLĐ:

a) Một số điều của bộ luật lao động(Ngoài chương IX) có liên quan đến ATVSLĐ

Căn cứ vào qui định của điều 56 của hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam: “ Nhà nước ban hành chính sách, chế độ bảo hộ lao động. Nhà nước quy định thời gian lao động, chế độ tiền lương, chế độ nghỉ ngơi và chế độ bảo hiểm xã hội đối với viên chức nhà nước và người làm công ăn lương ...” Bộ luật lao động của nước cộng

hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được quốc hội thông qua ngày 23/6/1994 và có hiệu lực từ 1/1/1995

Pháp luật lao động quy định quyền và nghĩa vụ của người lao động và của người sử dụng lao động, các tiêu chuẩn lao động, các nguyên tắc sử dụng và quản lý lao động, góp phần thúc đẩy sản xuất vì có vị trí quan trọng trong đời sống xã hội và trong hệ thống pháp luật của quốc gia

b) Một số luật, pháp lệnh có liên quan đến an toàn vệ sinh lao động:

Tuy nhiên Bộ luật lao động cũng chưa có thể đề cập mọi vấn đề, mọi khía cạnh có liên quan đến an toàn lao động, vệ sinh lao động, do đó trong thực tế còn có nhiều luật, pháp lệnh với một số điều khoản có liên quan đến nội dung này. Trong đó cần quan tâm đến một số văn bản pháp lý sau đây:

- Luật bảo vệ môi trường với điều 11, 19, 29 đề cập đến vấn đề áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, vấn đề nhập khẩu, xuất khẩu máy móc thiết bị, những hành vi bị nghiêm cấm có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường và cả vấn đề an toàn vệ sinh lao động trong doanh nghiệp ở những chế độ nhất định.

- Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân với các điều 9, 10, 14 đề cập đến vấn đề vệ sinh trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển và sử dụng hoá chất, vệ sinh các chất thải công nghiệp và sinh hoạt, vệ sinh lao động. Các yếu tố này có thể gây mất an toàn, vệ sinh lao động hoặc ô nhiễm môi trường cần xử lý nhằm bảo vệ sức khỏe người lao động và mọi người xung quanh.

- Pháp lệnh quy định việc quản lý Nhà nước đối với công tác phòng cháy và chữa cháy (1961).

Tuy cháy trong phạm vi vĩ mô không phải là một nội dung của công tác bảo hộ lao động, nhưng trong doanh nghiệp, cháy nổ thường do mất an toàn, vệ sinh gây ra, do đó vấn đề bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong doanh nghiệp gắn bó chặt chẽ với nhau và đều là nội dung kế hoạch BHLĐ của doanh nghiệp. Cho nên trong pháp lệnh và các văn bản có liên quan cấp Chính phủ đều ghi rõ nghĩa vụ của thủ trưởng đơn vị và toàn thể công nhân viên chức và những việc cụ thể cần phải làm về phòng cháy, chữa cháy

- Luật Công đoàn. Trong luật này trách nhiệm và quyền công đoàn trong công tác BHLĐ được nêu rất cụ thể trong điều 6, chương II, từ việc phối hợp nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật BHLĐ, xây dựng tiêu chuẩn qui phạm ATLĐ, VSLĐ đến trách nhiệm tuyên truyền giáo dục BHLĐ cho người lao động, kiểm tra việc chấp hành BHLĐ, tham gia điều tra tai nạn lao động

- Luật Hình sự. Trong đó có nhiều điều liên quan với tội danh ATLĐ, VSLĐ như điều 227. Tội vi phạm qui định về ATLĐ, VSLĐ gây hậu quả nghiêm trọng. Điều 236,

237 liên quan đến chất phóng xạ. Điều 239, 240 liên quan đến chất cháy, chất độc và vấn đề phòng cháy. ...

2.1.2. Nghị định 06/CP và các nghị định khác có liên quan:

Trong hệ thống các văn bản pháp luật về BHLĐ, các nghị định có vị trí rất quan trọng, đặc biệt là nghị định 06/CP của Chính phủ ngày 20/1/1995 qui định chi tiết một số điều của bộ luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động

Nghị định 06/CP bao gồm 7 chương, 24 điều:

- Chương I: Đối tượng và phạm vi áp dụng
- Chương II: An toàn lao động. Vệ sinh lao động
- Chương III: Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp
- Chương IV : Quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động
- Chương V : Trách nhiệm của cơ quan nhà nước
- Chương VI: Trách nhiệm của tổ chức công đoàn
- Chương VII: Các điều khoản thi hành

Trong Nghị định, vấn đề an toàn lao động, vệ sinh lao động đã được nêu khá cụ thể và cơ bản, nó được đặt trong tổng thể của các vấn đề lao động với những khía cạnh khác của lao động, được nêu lên một cách chặt chẽ và hoàn thiện hơn so với những văn bản luật trước đó.

Ngoài ra còn một số Nghị định khác với một số nội dung đến nội dung an toàn lao động như:

1-Nghị định 195/CP(31/12/1994) của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của bộ luật lao động về thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2-Nghị định 38/CP(25/6/1995) của Chính phủ qui định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động trong đó có những liên quan đến hành vi vi phạm về vệ sinh an toàn lao động

3-Nghị định 46/CP(6/8/1996) của chính phủ qui định việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về y tế, trong đó có một số qui định liên quan đến hành vi vi phạm vệ sinh lao động

2.1.3. Các chỉ thị, Thông tư liên quan đến an toàn vệ sinh lao động :

a) Các Chỉ thị:

Căn cứ vào điều trong chương IX Bộ luật lao động, Nghị định 06/ CP và tình hình thực tế, Thủ tướng đã ban hành các chỉ thị ở những thời điểm thích hợp chỉ đạo việc đẩy mạnh công tác vệ sinh an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

Trong số các chỉ thị được ban hành trong thời gian thực hiện Bộ luật lao động, có hai chỉ thị quan trọng có tác dụng trong một thời gian dài

- Chỉ thị số 237/TTg(19/4/1996) của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy. Chỉ thị nêu rõ nguyên nhân xảy ra nhiều vụ cháy lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng là do việc tổ chức và quản lý thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy của các cấp các ngành và công dân chưa tốt

- Chỉ thị số 13/ 1998/ CT- TTg(26/3/1998) của thủ tướng chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác BHLĐ trong tình hình mới. Đây là một chỉ thị rất quan trọng có tác dụng tăng cường và nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước, vai trò, trách nhiệm của mọi tổ chức cá nhân trong việc đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người lao động không những trong những năm cuối thế kỷ 20 mà cả đầu thế kỷ 21

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ rõ tồn tại của công tác ATVSLĐ. Đó là:

+ Việc thực hiện luật pháp về BHLĐ ở các cấp các ngành, của người sử dụng lao động và người lao động còn chưa nghiêm

+ Tình trạng vi phạm các qui phạm, tiêu chuẩn kĩ thuật an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ còn khá phổ biến, còn xảy ra còn xảy các vụ việc nghiêm trọng

+ Việc đầu tư cải thiện điều kiện làm việc và thực hiện các biện pháp phòng chống tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và cháy nổ trong nhiều doanh nghiệp chưa được thực sự quan tâm và coi trọng đúng mức, đặc biệt là các cơ sở sản xuất tư nhân

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ thị các Bộ, ngành, các cấp, địa phương, doanh nghiệp thực hiện nhiều công tác, biện pháp cụ thể nhằm khắc phục tồn tại trên. Tuy nhiên do những khó khăn về nhiều mặt, luật pháp, chế độ chính sách BHLĐ, nhận thức và ý thức chấp hành luật pháp, khó khăn về cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ, tài chính ... những tồn tại không thể khắc phục trong một thời gian ngắn

b) Các thông tư:

Có nhiều thông tư có liên quan đến ATVSLĐ, nhưng ở đây chỉ nêu lên những thông tư đề cập đến các vấn đề thuộc nghĩa vụ và quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động

- Thông tư liên tịch số 14/1998/TTLT-BLĐTBXH- BYT-TLĐLĐVN của bộ lao động thương binh và xã hội – bộ y tế, tổng liên đoàn lao động việt nam hướng dẫn việc tổ chức thực hiện công tác BHLĐ trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh với những nội dung cơ bản sau:

- + Qui định về tổ chức bộ máy và phân định trách nhiệm về BHLĐ ở doanh nghiệp
- + Xây dựng kế hoạch BHLĐ
- + Tự kiểm tra về BHLĐ
- + Nhiệm vụ và quyền hạn về BHLĐ của công đoàn doanh nghiệp
- + Thống kê báo và sơ kết, tổng kết về BHLĐ
- Thông tư số 10/1998/TT- LĐT BXH(28/5/1998) hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hộ cá nhân
- Thông tư số 08/TT- LĐT BXH(11/4/1995) của bộ lao động thương binh xã hội hướng dẫn công tác huấn luyện về ATLĐ- VSLĐ
- Thông tư số 13/TT/- BYT(24/10/1996) của bộ y tế hướng dẫn thực hiện quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp
- Thông tư số 23/TT- LĐT BXH(11/4/1995) của bộ lao động thương binh và xã hội hướng dẫn và bổ xung thông tư 08 về công tác huấn luyện ATLĐ- VSLĐ
- Thông tư liên tịch số 08/ 1998/TTLT _BYT_ BLĐT BXH hướng dẫn thực hiện qui định về bệnh nghề nghiệp.
- Thông tư liên tịch số 03/1998/TTLT- BLĐT BXH-BYT- TLĐLĐVN hướng dẫn khai báo điều tra tai nạn lao động
- Thông tư số 23/ LĐT BXH-TT(18/11/1996) hướng dẫn thực hiện chế độ thống kê báo cáo định kỳ tai nạn lao động
- Thông tư số 10/ 1999/TTLT _BYT_ BLĐT BXH hướng dẫn thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại.

2.2. Quản lý nhà nước về BHLĐ:

2.2.1. Nội dung quản lý nhà nước về BHLĐ

Nội dung quản lý nhà nước về BHLĐ bao gồm:

- Ban hành và quản lý thống nhất hệ thống tiêu chuẩn an toàn lao động, tiêu chuẩn vệ sinh lao động đối với máy móc thiết bị nơi làm việc và các tác nhân có liên quan đến điều kiện lao động, tiêu chuẩn chất lượng, qui cách các loại phương tiện bảo vệ cá nhân
- Ban hành và quản lý thống nhất hệ thống tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động. Tiêu chuẩn sức khỏe đối với các nghề, các công việc.
- Qui định quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động
- Nội dung huấn luyện, đào tạo an toàn vệ sinh lao động
- Điều tra thống kê tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Thông tin về an toàn vệ sinh lao động
- Xử lý các vi phạm về an toàn vệ sinh lao động
- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động

2.2.2 Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác BHLĐ

a) Bộ Lao Động- Thương binh và Xã hội :

- Bộ Lao Động- Thương binh và Xã hội có trách nhiệm xây dựng, trình cơ quan quản lý có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật, các chế độ chính sách về BHLĐ, ATLĐ, VSLĐ

- Xây dựng ban hành và quản lý thống nhất hệ thống qui phạm Nhà nước về an toàn lao động theo điều kiện lao động

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện về an toàn lao động
- Thanh tra an toàn lao động
- Tổ chức thông tin huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động
- Hợp tác với nước ngoài và các tổ chức quốc tế trong vấn đề an toàn lao động

b) Bộ Y Tế

- Bộ y tế có trách nhiệm xây dựng, ban hành và quản lý thống nhất qui phạm vệ sinh lao động, tiêu chuẩn sức khoẻ đối với các nghề, các công việc

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện về an toàn lao động
- Thanh tra an toàn vệ sinh lao động
- Tổ chức khám sức khoẻ và điều trị bệnh nghề nghiệp
- Hợp tác nước ngoài và các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực vệ sinh lao động

c) Bộ Khoa học Công nghệ và Môi Trường

Bộ Khoa học Công nghệ và Môi Trường có trách nhiệm quản lý thống nhất việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Ban hành hệ thống tiêu chuẩn chất lượng, qui cách các phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động. Phối hợp với Bộ lao động Thương binh xã hội xây dựng và ban hành, quản lý thống nhất hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật Nhà Nước về an toàn vệ sinh lao động

d) Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo việc đưa ra nội dung an toàn lao động – vệ sinh lao động vào chương trình giảng dạy trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề

e) Các Bộ, Ngành

- Các Bộ, Ngành có liên quan có trách nhiệm ban hành hệ thống tiêu chuẩn, qui phạm an toàn lao động, vệ sinh lao động cấp ngành sau khi có thỏa thuận bằng văn bản của Bộ lao động thương binh và xã hội, Bộ y tế
- Hướng dẫn kiểm tra các đơn vị cơ sở thuộc Bộ, Ngành mình trong việc thực hiện các chế độ, chính sách về BHLĐ

f) Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương

Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý nhà nước về an toàn lao động- vệ sinh lao động trong phạm vi địa phương mình

- Phổ biến, hướng dẫn kiểm tra đôn đốc các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ thuộc tất cả các thành phần kinh tế (kể cả cơ sở sản xuất của trung ương, các cơ sở liên doanh, tư doanh do người nước ngoài quản lý) đóng trên địa bàn địa phương mình thực hiện luật lệ, chế độ bảo hộ lao động, tiêu chuẩn, qui phạm an toàn lao động, vệ sinh lao động của nhà nước

- Xây dựng các chương trình bảo hộ lao động, đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách của đại phương; Xây dựng, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố ban hành các chủ trương

- Thanh tra việc thực hiện các luật lệ, chế độ BHLĐ, tiêu chuẩn, qui phạm an toàn lao động, vệ sinh lao động của nhà nước và các qui định của địa phương trong các đơn vị đóng trên địa bàn của mình

- Thẩm tra, xem xét các giải pháp về an toàn lao động trong các luận chứng kinh tế kỹ thuật, các đề án thiết kế của các dự án xây dựng mới hoặc cải tạo mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh của các đơn vị, cá nhân khi trình Ủy ban nhân dân quyết định

- Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra an toàn vệ sinh lao động của địa phương

- Điều tra các vụ tai nạn lao động chết người và những tai nạn lao động có nhiều người bị thương nặng

- Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện các qui định về BHLĐ ở địa phương

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về BHLĐ với Bộ lao động Thương binh và xã hội, Bộ Y tế

g) Thanh tra Nhà nước về an toàn vệ sinh lao động

- Thanh tra việc chấp hành các qui định về an toàn vệ sinh lao động và các chế độ bảo hộ lao động

- Điều tra tai nạn lao động và những vi phạm về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh lao động

- Thanh tra xem xét duyệt các luận chứng kinh tế kỹ thuật, các đề án thiết kế về mặt an toàn vệ sinh lao động. Khi xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo cơ sở sản xuất kinh

doanh, sử dụng, bảo quản lưu trữ các máy móc thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

- Đăng ký cấp phép sử dụng máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo danh mục của Bộ lao động –Thương binh xã hội

-Giải quyết khiếu nại tố cáo của người lao động vi phạm pháp luật về an toàn vệ sinh lao động

- Xử lý các vi phạm về an toàn vệ sinh lao động theo thẩm quyền của mình và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm thuộc thẩm quyền của cơ quan đó.

2.3. Quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.1. Quyền lợi của người lao động

Điều 16, chương IV của nghị định 06/CP quy định người lao động có 3 quyền sau đây:

1. Yêu cầu người sử dụng lao động đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh, cải thiện điều kiện lao động, cung cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, huấn luyện , thực hiện biện pháp ATLĐ, VSLĐ

2. Từ chối làm công việc hay từ bỏ nơi làm việc khi thấy rõ có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng sức khoẻ của mình, và phải báo cáo ngay với người có phụ trách trực tiếp, từ chối làm việc nơi nói trên nếu những nguy cơ đó chưa được khắc phục

3. Khiếu nại hoặc tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi người sử dụng lao động vi phạm các qui định của Nhà nước hoặc không thực hiện đúng các giao kết về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động

Ngoài ra người lao động còn phải chấp hành nghiêm chỉnh nội qui làm việc của doanh nghiệp như:

- Tư thế làm việc
- Thời gian làm việc
- Chấp hành sự phân công nhiệm vụ
- Chấp hành nội qui, qui định về bảo hộ lao động
- Kết thúc ngày làm việc

2.3.2. Nghĩa vụ của người lao động

Điều 15, chương IV Nghị định 06/CP quy định người lao động có 3 nghĩa vụ sau:

1. Chấp hành các qui định, nội quy về ATLĐ, VSLĐ có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao
2. Phải sử dụng, bảo quản các phương tiện cá nhân được trang cấp, các thiết bị an toàn nơi làm việc. Nếu làm mất mát hư hỏng phải bồi thường
3. Phải báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây độc hại hoặc sự cố nguy hiểm. Tham ra cứu người và khắc phục hậu quả tai nạn lao động khi có lệnh của người sử dụng lao động

2.3.3. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động:

Điều 13, chương 4 của nghị định 06/CP quy định người sử dụng lao động có 7 nghĩa vụ sau đây:

1. Hàng năm khi lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải lập kế hoạch, biện pháp ATLĐ, VSLĐ và cải thiện điều kiện lao động
2. Trang bị đầy đủ phương tiện lao động cá nhân và thực hiện các chế độ khác về ATLĐ, VSLĐ đối với người lao động theo quy định của Nhà nước
3. Cử người giám sát thực hiện các quy định, nội quy, biện pháp ATLĐ, VSLĐ trong doanh nghiệp. Phối hợp với công đoàn cơ sở xây dựng và duy trì sự hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh lao động
4. Xây dựng nội quy, quy trình ATLĐ, VSLĐ phù hợp với từng loại máy móc thiết bị kể cả khi đổi mới công nghệ máy, thiết bị, vật tư và nơi làm việc theo quy định của Nhà nước
5. Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy định, biện pháp ATLĐ, VSLĐ với người lao động
6. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo tiêu chuẩn, chế độ quy định
7. Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ khai báo, điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả tình hình thực hiện ATLĐ, VSLĐ, cải thiện điều kiện lao động với sở lao động thương binh và xã hội nơi doanh nghiệp hoạt động

2.3.4. Quyền lợi của người sử dụng lao động:

Điều 14, chương IV của nghị định 06/CP quy định người sử dụng lao động có 3 quyền sau đây:

1. Buộc người lao động phải tuân theo các quy định, nội quy, biện pháp ATLĐ, VSLĐ
2. Khen thưởng người chấp hành tốt và kỷ luật người vi phạm trong việc thực hiện ATLĐ, VSLĐ
3. Khiếu nại, tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quyết định của Thanh tra viên lao động về ATLĐ, VSLĐ nhưng vẫn nghiêm chỉnh chấp hành quyết định đó.

CHƯƠNG 3: KỸ THUẬT VỆ SINH LAO ĐỘNG

3.1.NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KỸ THUẬT VỆ SINH LAO ĐỘNG

3.1.1.Đối tượng và nhiệm vụ của vệ sinh lao động

Vệ sinh lao động là môn khoa học nghiên cứu ảnh hưởng của những yếu tố có hại trong sản xuất đối với sức khoẻ người lao động, tìm các biện pháp cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa các bệnh nghề nghiệp và nâng cao khả năng lao động cho người lao động.

Trong sản xuất, người lao động có thể phải tiếp xúc với những yếu tố có ảnh hưởng không tốt đến sức khoẻ, các yếu tố này gọi là những tác hại nghề nghiệp. Ví dụ :nghề rèn, nghề đúc kim loại, yếu tố tác hại nghề nghiệp chính là do nhiệt độ cao nghề dệt là tiếng ồn và bụi ...

Tác hại nghề nghiệp ảnh hưởng đến sức khoẻ ở nhiều mức độ khác nhau như mệt mỏi, suy nhược, giảm khả năng lao động, làm tăng các bệnh thông thường (cảm cúm, viêm họng, đau dạ dày ...),thậm chí còn có thể gây ra các bệnh nghề nghiệp (ví dụ như bệnh phổi nhiễm bụi ở công nhân tiếp xúc với bụi than, bụi đá, bệnh nhiễm chì ở công nhân khai thác các chất phóng xạ)

Nội dung của môn vệ sinh lao động bao gồm :

- Nghiên cứu đặc điểm vệ sinh của các quá trình sản xuất
- Nghiên cứu các biến đổi sinh lí, sinh hoá của cơ thể
- Nghiên cứu việc tổ chức lao động và nghỉ ngơi hợp lí
- Nghiên cứu các biện pháp đề phòng tình trạng mệt mỏi trong lao động, hạn chế ảnh hưởng của các yếu tố tác hại nghề nghiệp trong sản xuất, đánh giá hiệu quả các biện pháp đó .

Quy định các tiêu chuẩn vệ sinh, chế độ vệ sinh xí nghiệp và cá nhân và chế độ bảo hộ lao động .

Tổ chức khám tuyển và sắp xếp hợp lí công nhân vào làm ở các bộ phận sản xuất khác nhau trong xí nghiệp

-Quản lí theo dõi tình hình sức khỏe công nhân, tổ chức khám sức khỏe định kì, phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp .

-Giám định khả năng lao động cho công nhân bị tai nạn lao động, mắc bệnh nghề nghiệp và các bệnh mãn tính khác .

-Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp vệ sinh an toàn lao động trong sản xuất .

a) Tác hại liên quan đến quá trình sản xuất :

Yếu tố vật lý và hoá học :

- Điều kiện vi khí hậu trong sản xuất không phù hợp như :nhiệt độ, độ ẩm cao hoặc thấp, thoáng khí kém cường độ bức xạ nhiệt quá mạnh.

-Bức xạ điện từ, bức xạ cao tần và siêu cao tần trong khoảng sóng vô tuyến, tia hồng ngoại, tử ngoại ...Các chất phóng xạ và tia phóng xạ như $\alpha, \beta, \gamma, \dots$

-Tiếng ồn và rung động

- Áp suất cao (thợ lặn ,thợ làm trong thùng chìm) hoặc áp suất thấp lái máy bay, leo núi ...)

-Bụi và các chất độc hại trong sản xuất.

b) Tác hại liên quan đến tổ chức lao động

-Thời gian làm việc liên tục và quá lâu, làm việc liên tục không nghỉ, làm thông ca...

-Cường độ lao động quá cao không phù hợp với tình trạng sức khỏe công nhân

-Chế độ làm việc nghỉ ngơi bố trí không hợp lí

-Sự hoạt động khẩn trương, căng thẳng quá độ của các hệ thống và giác quan như hệ thần kinh, thị giác ,thính giác ...

-Công cụ lao động không phù hợp với cơ thể về trọng lượng, hình dáng, kích thước ...

c) Tác hại liên quan đến điều kiện vệ sinh và an toàn

-Thiếu hoặc thừa ánh sáng hoặc sắp xếp bố trí hệ thống chiếu sáng không hợp lí

-Làm việc ở ngoài trời có thời tiết xấu, nóng về mùa hè lạnh về mùa đông

-Phân xưởng chật chội và việc sắp xếp nơi làm việc lộn xộn mất trật tự ngăn nắp

- Thiếu thiết bị thông gió, chống bụi, chống nóng chống tiếng ồn, chống hơi khí độc
- Thiếu trang bị phòng hộ lao động hoặc có nhưng sử dụng bảo quản không tốt
- Việc thực hiện quy tắc vệ sinh và an toàn lao động chưa triệt để và nghiêm chỉnh

Ngoài ra dựa theo tính chất nghiêm trọng của tác hại nghề nghiệp và phạm vi tồn tại của nó rộng hay hẹp người ta còn phân các yếu tố tác hại nghề nghiệp ra làm 4 loại :

-Loại có tác hại tương đối rộng bao gồm :các chất độc trong sản xuất gây nên nhiễm độc nghề nghiệp thường gặp như chì, benzen, thủy ngân, mangan, CO, SO₂, Cl₂ thuốc trừ sâu, lân hữu cơ, bụi oxit silic gây bệnh bụi phổi, nhiễm bụi silicon, nhiệt độ cao bức xạ mạnh gây ra say nóng

-Loại có tính tương đối nghiêm trọng ,nhưng hiện nay phạm vi ảnh hưởng còn chưa phổ biến như :các hợp chất hữu cơ của kim loại và á kim như : thủy ngân hữu cơ, arsen hữu cơ, các hợp chất hoá học cao phân tử và các nguyên tố hiếm ,các chất phóng xạ và tia phóng xạ

-Loại có ảnh hưởng rộng nhưng tính chất tác hại không rõ lắm như : ánh sáng mạnh , tia tử ngoại gây động, tiếng ồn, rung động gây tổn thương cơ quan thính giác và các hệ thống khác, tổ chức lao động không tốt ảnh hưởng đến khả năng làm việc, thiếu sót trong việc xây dựng, thiết kế phân xưởng sản xuất ...

Các vấn đề trên tuy ảnh hưởng đối với tình trạng sức khoẻ không lớn lắm, nhưng phạm vi ảnh hưởng rộng và có quan hệ mật thiết đến năng suất lao động, trong công tác bảo hộ lao động cần có sự chú ý nhất định

-Những vấn đề có tính chất đặc biệt và mới : làm việc trong điều kiện áp suất cao hoặc thấp, làm việc với các loại máy phát sóng cao tần và siêu cao tần (radar, vô tuyến), làm việc trong điều kiện có gia tốc, những vấn đề có liên quan đến khai thác dầu mỏ, hơi đốt và chế biến các sản phẩm của dầu mỏ ...đều dẫn tới phát sinh bệnh (bệnh nghề nghiệp)

3.1.2. Các biện pháp đề phòng tác hại nghề nghiệp:

Tùy từng tình hình cụ thể cá thể áp dụng các biện pháp sau:

a) Biện pháp kỹ thuật công nghệ.

Cần cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ như: cơ giới hoá, tự động hoá, dùng những chất không độc hại hoặc ít độc thay cho những hợp chất có tính độc cao

b) Biện pháp kỹ thuật vệ sinh

Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh như cải tiến hệ thống thông gió, hệ thống chiếu sáng vv... nơi sản xuất cũng là những biện pháp góp phần cải thiện điều kiện lao động

c) Biện pháp phòng hộ cá nhân